

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số CBCL: 18/THAICOM GROUP/2021

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ Phần Tập Đoàn THAICOM.**

Văn phòng: Tòa nhà 168 Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: +84 2213997457

E-mail: thaicom360thaicom@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0900347903

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 26/2019/GCNATTP-SCT Ngày Cấp 30 tháng 12 năm 2019/Nơi cấp: Sở Công Thương Tỉnh Hưng Yên.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm:** Thực phẩm bổ sung nước tăng lực cà phê 360<sup>®</sup>

**2. Thành phần:** Nước bão hòa CO<sub>2</sub>, đường, màu thực phẩm tổng hợp (INS 150d), cà phê Arabica chiết xuất (0.5 g/l), hỗn hợp hương cà phê tổng hợp, chất điều chỉnh độ axit (INS 330, INS 331iii), chất điều vị (INS 955), chất bảo quản (INS 202), chất chống tạo bọt (INS 551, INS 900a), taurine, caffein, inositol, vitamin B3, vitamin B6.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**-Chất liệu bao bì:**

+ Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET.

**- Quy cách đóng gói:**

+ Đóng chai nhựa PET với thể tích thực: 240 ml, 250 ml, 320ml, 350 ml, 355 ml, 500 ml.

+ Các sản phẩm chai PET được đóng trong thùng giấy carton: 24 chai trong mỗi thùng.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

**Công ty Cổ Phần Tập Đoàn THAICOM**

**Địa chỉ:** Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Sản xuất đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm theo thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2012 của Bộ Trưởng Y Tế.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất (đính kèm phụ lục).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 02 tháng 01 năm 2021

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG  
*Nguyễn Trí Thành*

## Phu lục

### Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 18/TC/2020

(Đính kèm bản tự công bố số: 18/THAICOM GROUP/2020)

<b>CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THAICOM</b>	<b>NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM BỔ SUNG</b>	SỐ TCSX: 18/TC/2020
	Thực phẩm bổ sung nước tăng lực cà phê 360 <sup>®</sup>	Có hiệu lực từ ngày ký

#### 1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dung dịch lỏng, đồng nhất.
- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm.
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của sản phẩm hương vị cà phê, vị chua ngọt hài hòa, không có mùi lạ.

#### 2. Các chỉ tiêu hóa lý:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	Kcalo	216 - 402
2	Carbohydrate	g/l	59-109
3	Đường tổng số	g/l	55-102
4	Taurine	g/l	0.68- 1.26
5	Caffeine	g/l	0.21 – 0.44
6	Inositol	mg/l	41 - 77
7	Vitamin B3	mg/l	3.36 – 6.24
8	Vitamin B6	mg/l	1.75 – 3.5
9	Chất đạm	g/l	0
10	Chất béo	g/l	0

#### 3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 <sup>2</sup>
2	Coliform	CFU/ml	10
3	E.coli	CFU/ml	0
4	Streptococci faecal	CFU/ml	0
5	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	0
6	Staphylococcus aureus	CFU/ml	0
7	Clostridium perfringens	CFU/ml	0
8	Tổng số nấm men và mốc	CFU/ml	10

#### 4. Hàm lượng kim loại nặng:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Pb	mg/kg	0,05
2	As	mg/kg	0,1
3	Cd	mg/kg	1,0
4	Pb	mg/kg	0,05
5	Cu	mg/kg	2,0
6	Zn	mg/kg	5,0

5. **NSX/HSD:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất (Ghi trên nắp hoặc thân chai)

6. **Số lô sản xuất:** Ghi trên nắp hoặc thân chai

7. **Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.

8. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm.

9. **Cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn. Không sử dụng sản phẩm khi bao bì không còn nguyên vẹn hay hở nắp. Sản phẩm có nồng độ caffeine cao. Không sử dụng cho trẻ em dưới 10 tuổi, phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú, các trường hợp chống chỉ định dùng cafein và những người nhạy cảm với caffeine. Không sử dụng cùng với sản phẩm có chứa cồn.

10. **Đối tượng sử dụng:** Thanh thiếu niên và người trưởng thành.

11. **Lượng dùng khuyến nghị:** 3 chai /ngày.

12. **Mức đáp ứng RNI (Recommended Nutrition Intakes)** của các Vitamin B3 và B6: Tính toán cho người trưởng thành có độ tuổi từ 10 đến 65 (Thanh thiếu niên và người trưởng thành) theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban thành theo thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014.

TT	Tên chỉ tiêu (hàm lượng)	Nhu cầu các Vitamin/một ngày (mg) Độ tuổi 10-65	Ngưỡng dung nạp tối đa các Vitamin/một ngày (mg) Độ tuổi 10-65	Lượng tiêu thụ trung bình trong 350 ml sản phẩm (mg)	Mức đáp ứng RNI %
1	VTM B3	14-16	20-60	1.68	10.05
2	VTM B6	1,2-1,7	60-100	0.88	67.33

903  
TY  
AN  
DAN  
OM  
HUNG

HANG VIET NAM  
C.T.C.P.  
HUNG YEN

TÀNG LỰC CÀ PHÊ



ENERGY COFFEE



360®



**THACOM**

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 350 ml:

Mức calo (kJ, kcal)\*

Carbohydrate	20,11g
Sugar	5,6g
Bulking Fiber	3,94g
Protein	1,9g
Calories	20,67 kcal
Total Fat	1,48g
Monounsatur	0,12g
Unsatur	0,23g

\*Nhiệt lượng được hình thành của hàng này dựa người Việt Nam  
- Mức calo (kJ, kcal) tính toán dựa trên nguyên liệu và quy trình sản xuất  
- Mức calo (kJ, kcal) tính toán dựa trên nguyên liệu và quy trình sản xuất

Mã sản phẩm: 14.6.03.05.6.8



THỰC PHẨM BỔ SUNG  
NƯỚC TĂNG LỰC CÀ PHÊ 360

Sản phẩm dinh dưỡng cao cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA TẬP ĐOÀN THACO  
Số 1 Đường Hòa Mã (Số Ngạc Thành, Quận Bắc Đình, thành phố Sơn Tây, Huyện Ngọc Lĩnh và Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.  
Tel: +84-221-399.7457

Email: thacom360@thacomgroup.com

**Thành phần:** Nước, bột hòa tan CO<sub>2</sub>-dioxide, mủi thực phẩm tổng hợp (MS 150), cà phê Arabica chiết xuất (0,5 g/l), hỗn hợp hương cà phê tổng hợp, chất điều chỉnh độ axit (MS 330, MS 331/III), chất điều vị (MS 955), chất bảo quản (MS 202), chất chống tạo bọt (MS 551, MS 900 a), taumne, caffeine, inositol, vitamin B3, vitamin B6.

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:** Sử dụng trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm.

**Đối tượng sử dụng:** Thành niên và người trưởng thành.

**Cảnh báo an toàn:** Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn, không sử dụng sản phẩm bị hỏng, hư hỏng.

Sản phẩm không chứa caffeine. Không sử dụng cho trẻ em dưới 10 tuổi, phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú, các trường hợp không chỉ định dùng caffeine và những người nhạy cảm với caffeine. Không sử dụng cùng với sản phẩm có chứa cồn.

Thể tích thực: 350 ml



HANG VIET NAM  
CHẤT LƯỢNG CAO  
CHUẨN HỒI NHẬP



ISO 22000:2018

HỆ THỐNG  
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
ISO 22000:2018



NO: 1847858580

Sản phẩm đạt chất lượng  
do cơ quan Thực phẩm  
và Dược phẩm Mỹ cấp  
Số: 1847858580

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả số 2020/2241/TN4/01 cấp ngày 15/10/2020

1. Tên mẫu thử/*Name of sample*: **Thực phẩm bổ sung nước tăng lực cà phê 360®**  
 2. Khách hàng/*Customer*: Công ty Cổ phần Tập Đoàn ThaiCom  
 Địa chỉ: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
 3. Số lượng mẫu/*Quantity*: 12 chai x 350mL  
 4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving*: 28/09/2020  
 5. Tình trạng mẫu/*Status of sample*: Mẫu trong chai kín, nguyên sản phẩm  
 6. Thời gian thử nghiệm/*Test duration*: Từ ngày/*From*: 28/09/2020 đến ngày/*To*: 15/10/2020

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Đường tổng số	g/100mL	TK TCVN 7044:2013	13,12
2.	Hàm lượng axit <i>Tính theo axit citric</i>	g/L	TK TCVN 3702:2009	0,70
3.	Hàm lượng kali sorbate	mg/L	TN4/HD/N3-15	382,04
4.	Hàm lượng cafein	mg/L	TN4/HD/N3-24	301,24
5.	Hàm lượng inositol (**)	mg/L	QTTN/TK3 096:2017	58,0
6.	Hàm lượng taurine	mg/L	TN4/HD/N3-251	763,57
7.	Hàm lượng Carbohydrate	%	FAO FN P77 (chapter 2-paper 19-20)	13,65
8.	Hàm lượng Chi	mg/L	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0,03)
9.	Hàm lượng sucralose (E955) (**)	mg/L	QTTN/KT3 115:2015	43,8
10.	Tổng số nấm men, nấm mốc (*)	CFU/mL	ISO 21527-1,2:2008	Không có
11.	<i>Coagulase positive staphylococci</i> (*)	CFU/mL	ISO 6888-1:1999	Không có

Còn nữa

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
*This test results is value only for samples taken by customer.*
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
*This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
*Name of sample and customer are written as customer's request.*

Số/No:.....2020/2241/TN4/01.....

Trang/Page:.....2/2.....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

Tiếp theo trang 1

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
12.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (*)	CFU/mL	ISO 4833-1:2013	Không có
13.	Coliforms (*)	CFU/mL	ISO 16649-2:2001	Không có
14.	E.coli (*)	CFU/mL	ISO 16649-2:2001	Không có
15.	Cl.perfringens (*)	CFU/mL	ISO 7937:2004	Không có
16.	Pseudomonas aeruginosa (*)	CFU/mL	TN8/HD/P/34	Không có
17.	Faecal streptococci (*)	CFU/mL	QĐ 3347:2001/BYT TN8/HD/P/35 QĐ 3351:2001/BYT	Không có

Ghi chú: LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp, (\*\*) là chỉ tiêu đầu phụ  
 (\*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2020.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
 THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**

Đỗ Văn Thiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG TRẮC  
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Ngày: 29-12-2020  
 Số chứng thực: 5309.....Quyển số 01 SCT/BS



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
 Nguyễn Ngọc Châm

**PHÓ CHỦ TỊCH**  
 Lê Thanh Hào